CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***1071 048***	***298 397***	***772 570***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**149 551**	**13 938**	**135 613**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***38 450***	***13 938***	***24 512***			
1		ĐT TM&DV	26/6	948/6	30/6	BN 2056	CÁM 4A.1	1 000	995	5	26/6	TD	THAY 945/6
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/6	933/6		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 450	8 675	19 775	RÓT DỞ		TTCO: 24.000 - KVCP: 4.450
3		THAN MIỀN NAM	26/6	946/6	30/6	VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	9 000	4 268	4 732	RÓT DỞ	BAUXIT	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***111 101***		***111 101***			
1		V TRACO	25/6	822/5	30/6	BN 1799	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		SÔNG HỒNG	23/6	860/6	30/6	BN 0986	CỤC XÔ 1C	1 010		1 010		TD	GIA HẠN L1
3		VTT	26/6	829/5	30/6	BN 1809	CÁM 4A.1	1 066		1 066			GIA HẠN L1
4		ĐIỆN NGHI SƠN	20/5	776/5		VINACOMIN 05	CÁM 5A.10	3 150		3 150			
5		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	01/6	843/6	11/6	THUẬN ANH 03 (NB 6383)	CÁM 5A.10	5 038		5 038			
6		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	01/6	844/6	11/6	TĐ MINH KHÔI 02 (HD-8998)	CÁM 5A.10	5 616		5 616			
7		SÔNG HỒNG	07/6	873/6	17/6	BN 1498	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
8		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/6	893/6		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700			
9		XNCN MỎ ĐÔNG BẮC	14/6	901/6	24/6	BN 2025	CÁM 1	1 300		1 300		TD	
10		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	14/6	902/6	24/6	NB 6322	CÁM 5A.10	3 518		3 518			
11		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	15/6	905/6	25/6	HƯNG VIỆT PHÁT - 01 (NB 8392)	CÁM 5A.10	5 710		5 710			
12		DVVT QN	19/6	861-B/6	30/6	BN 0979	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 861/6
13		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	20/6	928/6		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700			
14		THAN MIỀN NAM	24/6	939-B/6	30/6	VINACOMIN CẨM PHẢ	CỤC 4A.2	2 800		2 800		BAUXIT	THAY 939/6
15		THAN MIỀN NAM	24/6	939-B/6	30/6	VINACOMIN CẨM PHẢ	CÁM 5A.1	5 650		5 650		BAUXIT	THAY 939/6
16		DVVT QN	24/6	940/6	30/6	BN 1348	CỤC XÔ 1C	993		993		TD	THAY 935/6
17		V TRACO	24/6	942/6	30/6	BN 1368	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
18		V TRACO	24/6	944/6	30/6	BN 2616	CỤC XÔ 1C	1 500		1 500		TD	
19		ĐẠM NINH BÌNH	26/6	947/6	30/6	NB 8519	CÁM 4A.1	3 000		3 000			
20		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/6	949/6		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	20 000		20 000			
21		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	26/6	950/6	30/6	NB 6702	CÁM 5A.10	4 100		4 100			
22		XDCN MỎ	26/6	951/6	30/6	BN 2196	CÁM 1	1 200		1 200		TD	
	Tàu chuyển tải							**139 850**	**62 494**	**77 356**			
	Tàu đang làm hàng							***88 800***	***62 494***	***26 306***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/6	911/6		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	20 920	1 880	RÓT DỞ		KVĐB: 9.000 - CLM: 13.800
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/6	925/6		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5B.14	20 500	16 794	3 706	RÓT DỞ		TTHG: 10.000 - KDTCP: 10.500

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/6	880/6		VIỆT THUẬN 215-02	CÁM 6A.14	20 500	19 690	810	RÓT DỞ		TTHG: 10.500 - KDTCP: 10.000
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/6	929/6		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 000	5 090	19 910	RÓT DỞ		TTHG: 4.000 - CLM: 2.000 - KVCP: 9.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***51 050***		***51 050***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/6	931/6		PACIFIC 01	CÁM 6A.14	27 600		27 600			KDTCP: 6.000 - KVCP: 11.600 - CLM: 10.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	24/6	943/6		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 450		23 450			KDTCP: 8.450 - CLM: 15.000
II	**KHO CẢNG HC-MD**							**46 147**	**4 164**	**41 983**			
	Tàu đã làm hàng							***4 267***	***4 164***	***103***			
1		VIỆT THUẬN30-05	23/6	4122.		AN HƯNG 66	Cám 6A.14	2 712	2 647	65	26/6	CT	Cân
2		KDT HÀ BẮC	26/6	1280/6	30/6	BN 2678	Cám 6A.1	1 555	1 517	38	26/6	PT	
	Tàu đã làm lệnh							***41 880***		***41 880***			
1		ĐT THƯƠNG MẠI	01/6	1695/5	11/6	BN 1459	Cục xô 1B	1 000		1 000		TD	Gia hạn
2		KDT HÀ BẮC	01/6	1689/5	11/6	BN 2558	Cám 6a.1	1 940		1 940		PT	Gia hạn
3		KDT CẦU ĐUỐNG	01/6	1454/5	11/6	BN 2329	Cám 7B	1 500		1 500		PT	Gia hạn
4		KDT CẦU ĐUỐNG	01/6	1443/5	11/6	HD 3028	Cám 7C	2 800		2 800		PT	Gia hạn
5		KDT CẦU ĐUỐNG	02/6	84/6	12/6	BN 2025	Cám 7a	1 330		1 330		PT	
6		KDT CẦU ĐUỐNG	02/6	58/6	12/6	BN 2616	Cám 7a	1 700		1 700		PT	
7		ĐT TM&DV	03/6	128/6	13/6	BN 1789	Cám 8A	1 500		1 500		TD	
8		CROMIT T.HOÁ	07/6	350/6	17/6	HD 1818	Cám 8A	1 981		1 981		TD	
9		CP VT THUỶ	07/6	339/6	17/6	HP 4881	Cám 8A	1 839		1 839		TD	
10		KDT CẦU ĐUỐNG	07/6	336/6	17/6	BN 1386	Cục 1A	1 000		1 000		TD	Thay 1633/5
11		KDT HÀ BẮC	07/6	330/6	17/6	BN 1828	Cám 7B	2 250		2 250		PT	Thay 199/6
12		ĐT TM VÀ DV	20/6	1025/6	30/6	BN 0989	Cục xô 1a	1 100		1 100		TD	Thay 1129/5
13		KDT HÀ BẮC	21/6	1051/6	30/6	BN 2089	Cám7b	1 940		1 940		PT	
14		XNK THAN	21/6	1072/6	30/6	HOANG ANH 268	Cám 7c	3 600		3 600		PT	
15		DVVTQN	23/6	1149/6	30/6	BN 1809	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
16		XDCNM ĐÔNG BẮC	23/6	1152/6	30/6	BN 2395	Cám 8A	1 600		1 600		TD	
17		XNKT	23/6	1153/6	30/6	BN 1296	Cám 8A	1 000		1 000		PT	
18		KDT NINH BÌNH	23/6	1141/6	30/6	NB 8857	Cám 7A	2 946		2 946		PT	
19		ĐTTM&DV	24/6	1162/6	30/6	VINH QUANG 268	Cục 1B	1 930		1 930		TD	
20		KDT Cầu Đuống	24/6	1163/6	30/6	BN 1879	Cám 8A	1 005		1 005		TD	
21		ĐT TM DV	25/6	1236/6	30/6	BN 1996	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
22		DVVTQN	26/6	1277/6	30/6	BN 1936	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
23		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1262/6	30/6	BN 2638	Cám 7C	1 919		1 919		PT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
24		CPXNKT	26/6	1253/6	30/6	BN 2225	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
25		KDT CẦU ĐUỐNG	26/6	1286/6	30/6	BN 1809	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
26		KDT HÀ NỘI	26/6	1282/6	30/6	BN 1997	Cục 1A	1 000		1 000		TD	
III	**KHO KHE DÂY**							**10 864**	**1 459**	**9 323**			
	Tàu đã làm hàng							***1 500***	***1 459***	***- 41***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	25/6	4 123		SƠN HẢI 08	CÁM 5B.14	1 500	1 459	- 41	26/6		CHUYỂN TÀI TÀU QUANG VINH DIAMOND
	Tàu đã làm lệnh							***9 364***		***9 364***			
1		CP ĐTTM&DV	12/6	600	22/6	BN - 2665	CỤC 1B	2 000		2 000		TD	ĐÈO NAI
2		XD CN MỎ	12/6	607	22/6	BN - 1818	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐÈO NAI
3		COALIMEX	23/6	1 153	30/6	BN - 1296	CÁM 8A	1 000		1 000		PTCB	ĐÈO NAI (PT XIN HỦY LỆNH)
4		CPDVVT QUẢNG NINH	23/6	1 149	30/6	BN - 1809	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	ĐÈO NAI (PT RÚT THỦ TỤC)
5		XD CN MỎ	26/6	1 297	30/6	BN - 2025	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	CỌC SẢU- THAY TB 1817/4(PT RÚT THỦ TỤC)
6		ĐIỆN DUYÊN HẢI	26/6	4 193		AN HƯNG 88	CÁM 5B.14	2 564		2 564			CHUYỂN TÀI TÀU QUANG VINH DIAMOND
IV	**KHO BẢO NGUYÊN**							**2 050**	**-**	**2 050**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***2 050***		***2 050***			
1		CROMIT	20/6	1023/6	30/6	BN 1969	CÁM 8A	2 050		2 050	TD		
V	**KHO CẢNG KM6**							**14 611**	**6 185**	**8 426**			
	Tàu đã làm hàng							***6 210***	***6 185***	***25***			
1		KDT HẢI PHÒNG	21/6	1071	30/6	BN 2329	Cám 5b.1	1 500	1 492	8	26/6	CBPT	
2		THAN MIỀN NAM	25/6	1219	30/6	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400	1 397	3	26/6		
3		THAN MIỀN NAM	25/6	1219	30/6	TRUNG HIẾU 68	Cám 5a.1	1 750	1 742	8	26/6		
4		XNK THAN VINACOMIN	26/6	1275	30/6	BN 2203	Cám 8a	1 560	1 555	5	26/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***8 401***		***8 401***			
1		TM DV VINACOMIN	24/6	1174	30/6	BN 1883	Cục 1b	1 301		1 301		TD	
2		KDT MIỀN BẮC	24/6	1165	30/6	NB 6990	Cám 5b.1	2 800		2 800		CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	26/6	1563	30/6	NB 8900	Cám 5b.1	2 800		2 800		CBPT	
4		DV VT QUẢNG NINH	26/6	1270	30/6	BN 2115	Bùn 4a	1 500		1 500		TD	
VI	**CẢNG LÀNG KHÁNH**							**71 959**	**27 980**	**43 979**			
	Tàu đã làm hàng							***36 548***	***27 980***	***8 568***			
1		KDT MIỀN BẮC	25/6	1231/6/HG	30/6	HD 3388	CÁM 5B.1	3 992	3 976	16	26/6	PTCB	
2		KDT CẦU ĐUỐNG	23/6	1134/6/HG	30/6	BN 1866	CÁM 5B.1	1 480	1 473	7	26/6	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	21/6	1060/6/HG	30/6	BN 1332	CÁM 5A.1	1 550	1 545	5	26/6	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		CTY TNHH LONG SƠN	24/6	1181/6/HG	30/6	NB 6566	CÁM 4A.1	1 045	1 033	12	26/6		
5		KDT HẢI PHÒNG	22/6	1114/6/HG	30/6	HP 5925	CÁM 5A.1	1 550	1 535	15	26/6	PTCB	
6		KDT HÀ NAM NINH	23/6	1148/6/HG	30/6	NĐ 4236	CÁM 5A.1	1 728	1 727	1	26/6	PTCB	
7		KDT HẢI PHÒNG	22/6	1092/6/HG	30/6	HP 4845	CÁM 6A.1	1 100	1 087	13	26/6	PTCB	
8		KDT MIỀN BẮC	24/6	1180/6/HG	30/6	NB 6776	CÁM 5A.1	1 900	1 880	20	26/6	PTCB	
9		KDT NINH BÌNH	26/6	1252/6/HG	30/6	BN 1798	CỤC DON 8C	1 000	950	50	26/6	TD	
10		KDT CẦU ĐUỐNG	24/6	1202/6/HG	30/6	BN 2112	CÁM 5B.1	1 170	1 149	21	26/6	PTCB	
11		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1246/6HG	30/6	HD 1256	CÁM 8A	1 345	1 276	69	26/6	PTCB	
12		CP DV VẬN TẢI QUẢNG NINH	25/6	1218/6/HG	30/6	BN 2365	BÙN TUYỂN 3A	1 070	883	187	26/6	TD	
13		ĐẠM NINH BÌNH	26/6	1269/6/HG	30/6	NB 2458	CÁM 4A.1	1 698	1 639	59	26/6		
14		KDT HÀ NAM NINH	25/6	1237/6/HG	30/6	NĐ 2858	CÁM 5A.1	1 350	694	656	DỞ		
15		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	24/6	1157/6/HG	30/6	HP 5781 (TĐ 36CG)	CÁM 6A.10	3 580	2 895	685	DỞ		
16		KDT HẢI PHÒNG	20/6	1026/6/HG	30/6	NĐ 3497	CÁM 5A.1	3 250	1 681	1 569	DỞ	PTCB	
17		KDT CẦU ĐUỐNG	24/6	1156/6/HG	30/6	BN 2228	CÁM 6A.1	1 000	897	103	DỞ	PTCB	
18		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1223/6HG	30/6	NĐ 3488	CÁM 5A.1	3 250	447	2 803	DỞ	PTCB	
19		CBT QUẢNG NINH	26/6	1272/6/HG	30/6	QN 7583	CÁM 5B.1	3 490	1 215	2 275	DỞ	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***35 411***		***35 411***			
1		KDT HẢI PHÒNG	19/6	916/6/HG	30/6	HD 2966	CÁM 5A.1	1 798		1 798		PTCB	
2		KDT HÀ NAM NINH	23/6	1131/6/HG	30/6	BN 2123	CÁM 5A.1	1 636		1 636		PTCB	
3		CP DV VẬN TẢI QUẢNG NINH	23/6	1125/6/HG	30/6	BN 1865	CỤC DON 8C	1 050		1 050		TD	
4		KDT MIỀN BẮC	23/6	1145/6/HG	30/6	NB 6990	CÁM 5B.1	2 800		2 800		PTCB	
5		ĐẠM NINH BÌNH	23/6	1136/6/HG	30/6	NB 6568	CÁM 4A.1	1 250		1 250			
6		KDT CẦU ĐUỐNG	22/6	1091/6/HG	30/6	BN 2395	CỤC DON 8C	1 000		1 000		TD	
7		CTY TNHH LONG SƠN	24/6	1182/6/HG	30/6	NB 6515	CÁM 4A.1	1 040		1 040			
8		KDT MIỀN BẮC	25/6	1229/6/HG	30/6	NB 6568	CÁM 5A.1	1 250		1 250		PTCB	
9		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1244/6HG	30/6	BN 2618	CÁM 6A.1	1 696		1 696		PTCB	
10		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	26/6	1250/6/HG	30/6	HD 5299	CÁM 6A.10	5 540		5 540			
11		KDT MIỀN BẮC	26/6	1276/6/HG	30/6	NB 8319	CÁM 5A.1	1 750		1 750		PTCB	
12		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	26/6	1288/6/HG	30/6	HD 2001	CÁM 6A.14	3 464		3 464			
13		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1256/6/HG	30/6	TĐ 37 CG	CÁM 5B.1	4 200		4 200		PTCB	
14		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1254/6/HG	30/6	HD 2008	CÁM 6A.1	1 640		1 640		PTCB	
15		KDT MIỀN BẮC	26/6	1285/6/HG	30/6	BN 2332	CÁM 5B.1	1 937		1 937		PTCB	
16		KHO VẬN ĐÁ BẠC (ĐC)	26/6	1298/6/HG	30/6	CỬA ÔNG 04	CÁM 5B.1	2 300		2 300		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
17		KDT CẦU ĐUỐNG	26/6	1289/6/HG	30/6	BN 1879	CÁM 6A.1	1 060		1 060		PTCB	
VII	**CẢNG ĐIỀN CÔNG**							**74 216**	**14 810**	**59 406**			
	Tàu đã làm hàng							***15 807***	***14 810***	***997***			
1		CP VT THỦY VINACOMIN	21/6	1079/6/UB	30/6	BN 2365	CỤC 5B.2	1 000	993	7	23/6	TD	
2		KDT CẦU ĐUỐNG	25/6	1232/6/UB	30/6	BN 0936	CÁM 5B.3	1 050	1 037	13	26/6	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1225/6/UB	30/6	BN 0746	CÁM 5B.3	942	933	9	26/6	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1247/6/UB	30/6	BN 1498	CÁM 5B.3	1 045	1 034	11	26/6	PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1257/6/UB	30/6	QN 6190	CÁM 5A.3	1 030	1 023	7	26/6	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1224/6/UB	30/6	QN 0289	CÁM 5A.3	550	539	11	26/6	PTCB	
7		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1228/6/UB	30/6	HD 5666	CÁM 5A.3	2 790	2 776	14	26/6	PTCB	
8		KDT HÀ NAM NINH	25/6	1213/6/UB	30/6	NB 8969	CÁM 5B.3	2 100	2 092	8	26/6	PTCB	
9		CBT QUẢNG NINH	25/6	1234/6/UB	26/6	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000	989	11	26/6	PTCB	
10		CBT QUẢNG NINH	25/6	1233/6/UB	26/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000	1 117	883	26/6	PTCB	
11		KDT HÀ BẮC	23/6	1128/6/UB	30/6	QN 8846	CÁM 5A.3	1 300	1 285	15	26/6	PTCB	
12		CP THAN SÔNG HỒNG	24/6	1208/6/UB	30/6	BN 1826	CỤC 2B.2	1 000	993	7	26/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***58 409***		***58 409***			
1		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	19/6	915/6/UB	29/6	NB 8011	CỤC 2B.2	1 050		1 050		TD	
2		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	19/6	932/6/UB	30/6	BN 0808	CỤC 2B.2	1 500		1 500		TD	
3		CP THAN SÔNG HỒNG	19/6	963/6/UB	30/6	NB 8926	CỤC XÔ 1A	2 000		2 000		TD	
4		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	20/6	984/6/UB	30/6	BN 0679	CỤC 4B.3	1 000		1 000		TD	
5		CP XNK THAN VINACOMIN	20/6	996/6/UB	30/6	HP 4880	CÁM 5B.3	1 184		1 184		PTCB	
6		CP VT THỦY VINACOMIN	20/6	1016/6/UB	30/6	QN 6139	CỤC 4B.3	620		620		TD	
7		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	21/6	1045/6/UB	30/6	BN 1869	CỤC 4B.3	900		900		TD	
8		CBT QUẢNG NINH	21/6	1058/6/UB	24/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000		2 000		PTCB	
9		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	23/6	1150/6/UB	30/6	BN 2397	CỤC 4B.3	800		800		TD	
10		KDT BẮC THÁI	23/6	1138/6/UB	30/6	BN 2058	CỤC 2B.2	1 000		1 000		TD	
11		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	24/6	1193/6/UB	30/6	BN 1881	CỤC 5B.2	1 000		1 000		TD	
12		CTY XDCN MỎ	24/6	1175/6/UB	30/6	HD 5688	CỤC 4B.3	3 000		3 000		TD	
13		KDT HÀ BẮC	24/6	1656/6/UB	30/6	QN 8322	CÁM 5A.3	1 600		1 600		PTCB	
14		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	24/6	1179/6/UB	30/6	NB 6913	CỤC 2B.2	950		950		TD	
15		CBT QUẢNG NINH	24/6	1203/6/UB	25/6	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000		1 000		PTCB	
16		CP VT THỦY VINACOMIN	24/6	1200/6/UB	30/6	BN 0979	CỤC 5B.2	1 000		1 000		TD	
17		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	24/6	1198/6/UB	30/6	NĐ 2926	CỤC 5B.2	1 250		1 250		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
18		CP THAN SÔNG HỒNG	24/6	1206/6/UB	30/6	HN 1645	CỤC 2B.2	956		956		TD	
19		PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN	25/6	1216/6/UB	30/6	QN 6138	CỤC 2A.4	740		740			
20		KDT HÀ NỘI	25/6	1215/6/UB	30/6	BN 0988	CÁM 2B.3	1 000		1 000		TD	
21		KDT HẢI PHÒNG	25/6	1226/6/UB	30/6	HP 4890	CÁM 5B.3	2 400		2 400		PTCB	
22		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	25/6	1227/9/UB	30/6	BN 1989	CỤC XÔ 1A	1 250		1 250		TD	
23		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	25/6	1243/9/UB	30/6	HN 2154	CỤC 5B.2	900		900		TD	
24		KDT MIỀN BẮC	25/6	1238/6/UB	30/6	NB 6635	CÁM 5B.1	4 004		4 004		PTCB	
25		KDT HÀ NAM NINH	25/6	1237/6/UB	30/6	NĐ 2858	CÁM 5A.1	1 350		1 350		PTCB	
26		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1249/6/UB	30/6	BN 2379	CÁM 5B.3	1 399		1 399		PTCB	
27		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1271/6/UB	30/6	QN 6139	CÁM 5B.3	740		740		PTCB	
28		CP VT VÀ KDT VIACOMIN	26/6	1264/6/UB	30/6	GIA THÀNH 68	CÁM 8B	3 080		3 080		TD	
29		CP XNK THAN VINACOMIN	26/6	1273/6/UB	30/6	HP 4890	CỤC DON 8A	2 400		2 400		TD	
30		CP XNK THAN VINACOMIN	26/6	1274/6/UB	30/6	BN 2293	CỤC DON 8A	1 600		1 600		TD	
31		PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN	26/6	1255/6/UB	30/6	NĐ 4112	CỤC 2A.4	1 000		1 000			
32		CP VT THỦY VINACOMIN	26/6	1258/6/UB	30/6	BN 1858	CỤC 2B.2	1 000		1 000		TD	
33		CP VT THỦY VINACOMIN	26/6	1259/6/UB	30/6	BN 0836	CỤC 2B.2	1 000		1 000		TD	
34		KDT HÀ NAM NINH	26/6	1260/6/UB	30/6	QN 8339	CÁM 5B.3	1 630		1 630		PTCB	
35		CP ĐẦU TƯ TM VÀ DV VINACOMIN	26/6	1278/6/UB	30/6	BN 1468	CỤC XÔ 1A	1 100		1 100		TD	
36		CBT QUẢNG NINH	26/6	1279/6/UB	30/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	3 000		3 000		PTCB	
37		CP XNK THAN VINACOMIN	26/6	1281/6/UB	30/6	HOÀNG GIA 56	CÁM 5B.3	3 050		3 050		PTCB	
38		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1290/6/UB	30/6	BN 1862	CÁM 5A.3	1 176		1 176		PTCB	
39		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1296/6/UB	30/6	HD 1860	CÁM 5B.3	1 780		1 780		PTCB	
VIII	**CẢNG BẾN CÂN**							**7 754**	**2 673**	**5 081**			
	Tàu đã làm hàng							***2 705***	***2 673***	***32***			
1		KDT HẢI PHÒNG	26/6	1287/6/MK	30/6	HP 4850	CÁM 6B.4	1 105	1 087	18	26/6	PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	24/6	1189/6/MK	30/6	BN 1789	CÁM 7A	1 600	1 586	14	26/6	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***5 049***		***5 049***			
1		KDT HẢI PHÒNG	24/6	1190/6/MK	30/6	BN 1804	CÁM 7A	885		885		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	23/6	1151/6/MK	30/6	BN 2079	CÁM 5B.1	1 400		1 400		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	23/6	1155/6/MK	30/6	BN 1666	CÁM 7C	1 190		1 190		PTCB	
4		CP XNK THAN VINACOMIN	25/6	1245/6/MK	30/6	BN 2388	CÁM 7A	1 574		1 574			
IX	**KHU VỰC HẢI PHÒNG**							**80 654**	**21 810**	**58 844**			
	Tàu đã làm hàng							***21 930***	***21 810***	***120***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI (VIỆT THUẬN 30-05)CP XNK	22/6	4 087		CỬA ÔNG 01	CÁM 6A.14	2 300	2 291	9	26/6		
2		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	23/6	1123/6/NQN	30/6	SÔNG HỒNG 19(HN 1988)	CÁM 5A.10	3 904	3 868	36	26/6		
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	21/6	1074/6/NQN	30/6	SÔNG HỒNG 28(HN 2269)	CÁM 5A.10	4 912	4 875	37	26/6		
4		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	24/6	1201/6/NQN	30/6	4 TĐ 89	CÁM 6A.14	2 380	2 367	13	26/6		
5		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	17/6	828/6/NQN	27/6	ITASCO 02	CÁM 6A.14	3 000	2 998	2	26/6		
6		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	24/6	1205/6/NQN	30/6	HD 5588	CÁM 6B.1	5 434	5 411	23	26/6		
	Tàu đã làm lệnh							***58 724***		***58 724***			
1		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	23/6	1154/6/NQN	30/6	TĐ 28-1	CÁM 5A.10	3 612		3 612			
2		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	23/6	1121/6/NQN	30/6	SÔNG ÔNG 26(HN 1998)	CÁM 5A.10	4 940		4 940			
3		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	24/6	1192/6/NQN	30/6	HD 1928	CÁM 6A.14	3 636		3 636			
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI (VIỆT THUẬN 30-05) CPXNK T	24/6	4 146		CỬA ÔNG 09	CÁM 6A.14	2 300		2 300			
5		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	25/6	1222/6/NQN	30/6	1 TĐ 05	CÁM 5A.10	2 392		2 392			
6		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	25/6	1221/6/NQN	30/6	HẢI LONG 12 (HN 1918)	CÁM 5A.10	5 078		5 078			
7		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	25/6	1214/6/NQN	30/6	2 TĐ 115	CÁM 5A.10	2 390		2 390			
8		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	25/6	1241/6/NQN	30/6	HD 2882	CÁM 6A.14	4 000		4 000			
9		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	26/6	1251/6/NQN	30/6	TĐ 27-4	CÁM 6B.1	2 380		2 380			
10		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	26/6/	1265/6/NQN	30/6	TĐ 124-2 (NB 6330)	CÁM 5A.10	2 354		2 354			
11		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	26/6	1293/6/NQN	30/6	TĐ 34 TT	CÁM 6A.14	3 780		3 780			
12		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	26/6	1292/6/NQN	30/6	THĂNG LONG 36	CÁM 6A.14	4 000		4 000			
13		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	26/6	1291/6/NQN	30/6	THĂNG LONG 68	CÁM 6A.14	3 800		3 800			
14		ĐIỆN DUYÊN HẢI (VIỆT THUẬN 30-05) CPXNK T	26/6	4 198		VIỆT THUẬN TĐ 06	CÁM 6A.14	3 350		3 350			
15		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAN	26/6	4 197		CỬA ÔNG 06	CÁM 6A.14	2 300		2 300			
16		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAN	26/6	4 197		CỬA ÔNG 19	CÁM 6A.14	2 100		2 100			
17		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAN	26/6	4 197		CỬA ÔNG 14	CÁM 6A.14	2 100		2 100			
18		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	26/6	1299/6/NQN	30/6	TĐ 68 (QN 7250)	CÁM 5A.10	4 212		4 212			
X	**KHU VỰC BẮC GIANG, THÁI BÌNH, HẢI DU**							**138 627**	**44 772**	**93 854**			
	Tàu đã làm hàng							***45 062***	***44 772***	***290***			
1		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI (KDT CẦU ĐUỐ	24/6	1207/6/NQN	30/6	HD 5866	CÁM 6A.10	3 184	3 183	1	25/6		
2		CP ĐT TỔNG HỢP HÀ NỘI (CP XNK THAN)	24/6	1158/6/NQN	30/6	HD 8889	CÁM 6A.14	5 260	5 227	33	26/6		
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	24/6	1170/6/NQN	30/6	HD 3859	CÁM 5A.10	4 158	4 061	97	26/6		
4		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	26/6	1248/6/NQN	30/6	THUẬN PHONG 6068	CÁM 6B.1	5 538	5 527	11	26/6		
5		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	24/6	1186/6/NQN	30/6	TĐ 03KS	CÁM 6B.1	3 320	3 310	10	26/6		
6		CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG AN KHÁNH	20/6	1002/6/NQN	30/6	Ô TÔ	CÁM 6A.14	7 400	7 417	- 17	26/6		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
7		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	24/6	1173/6/NQN	30/6	TB 1716	CÁM 5A.10	2 314	2 281	33	26/6		
8		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	24/6	1187/6/NQN	30/6	NB 8300	CÁM 6B.1	5 152	5 141	11	26/6		
9		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	24/6	1168/6/NQN	30/6	HD 3879	CÁM 5B.14	4 436	4 353	83	26/6		
10		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	24/6	1194/6/NQN	30/6	NB 2951	CÁM 4A.1	900	876	24	26/6		
11		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	20/6	4 015	30/6	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400	3 395	5	26/6		
	Tàu đã làm lệnh							***93 565***		***93 565***			
1		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	12/6	573/6/NQN	22/6	BẠCH ĐẰNG 16 (HD 5685)	CÁM 6B.1	5 177		5 177			
2		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	14/6	664/6/NQN	24/6	HP 4188	CÁM 6B.1	5 408		5 408			
3		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	20/6	4 015	30/6	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
4		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	20/6	4 015	30/6	HÙNG KHÁNH 999	CÁM 5A.10	3 150		3 150			
5		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	20/6	4 015	30/6	HÙNG KHÁNH 999	CÁM 5A.10	3 150		3 150			
6		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	20/6	968/6/NQN	30/6	HẠ LONG 76	CÁM 5A.10	3 704		3 704			
7		ĐIỆN DUYÊN HẢI (CPXNK THAN)	20/6	926/6/NQN	30/6	LONG HẢI 01	CÁM 5B.14	5 000		5 000			
8		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 9/6	21/6	4 077	30/6	HN 2185	CÁM 5A.10	3 100		3 100			
9		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 9/6	24/6	4 132	30/6	TÂN PHÚC 01 (NĐ 4127)	CÁM 5A.10	3 300		3 300			
10		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	21/6	1078/6/NQN	30/6	TB 1399	CÁM 5A.10	5 104		5 104			
11		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	21/6	4 103	30/6	HÙNG KHÁNH 89	CÁM 5A.10	2 900		2 900			
12		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	24/6	1172/6/NQN	30/6	ĐỊNH PHƯƠNG 52(BN 2211)	CÁM 5A.10	2 938		2 938			
13		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	24/6	1171/6/NQN	30/6	NB 8859	CÁM 5A.10	4 488		4 488			
14		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 10/6	25/6	4 157	30/6	KHÁNH MINH 69	CÁM 5A.10	2 200		2 200			
15		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 10/6	25/6	4 157	30/6	GIA BẢO 36	CÁM 5A.10	3 900		3 900			
16		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	25/6	1220/6/NQN	30/6	NB 6095	CÁM 5A.10	3 226		3 226			
17		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	25/6	1230/6/NQN	30/6	BN 1566	CÁM 5A.14	3 700		3 700			
18		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	25/6	1239/6/NQN	30/6	HD 3974	CÁM 5A.14	4 436		4 436			
19		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	25/6	1240/6/NQN	30/6	TB 1678	CÁM 5A.10	1 944		1 944			
20		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	25/6	1235/6/NQN	30/6	1 TĐ 10	CÁM 6B.1	3 332		3 332			
21		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	26/6	1268/6/NQN	30/6	HẠ LONG 79 (QN 9676)	CÁM 5A.10	3 704		3 704			
22		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	26/6	1266/6/NQN	30/6	TĐ 08-3	CÁM 6B.1	2 764		2 764			
23		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	26/6	1267/6/NQN	30/6	BN 1558	CÁM 5A.14	3 700		3 700			
24		CP ĐT TỔNG HỢP HÀ NỘI (CP XNK THAN)	26/6	1294/6/NQN	30/6	HD 8998	CÁM 6A.10	5 600		5 600			
25		CP ĐT TỔNG HỢP HÀ NỘI (CP XNK THAN)	26/6	1295/6/NQN	30/6	QN 7217	CÁM 6A.10	4 240		4 240			
XI	**TÀU XUẤT KHẨU**							**25 000**	**21 980**	**3 020**			
	Tàu đã làm hàng							***25 000***	***21 980***	***3 020***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 27 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		NHẬT BẢN	24/6	11-B/6		MV RUI SHENG 6	CỤC 5A.1	25 000	21 980	3 020	RÓT DỞ		TTCO: 19.930 - TTHG: 5.570 - KDTCP: 2.000
	Tàu đã làm lệnh												
XII	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**309 766**	**76 132**	**233 634**			
	Tàu đã làm hàng							***174 766***	***76 132***	***98 634***			
1		NAM PHI		CLM		MV KAMBANOS		30 000	24 313	5 687	BỐC DỞ		TTCO: 10.000 - KVCP: 20.000
2		NAM PHI		CLM		MV MBA FUTURE		25 000	19 740	5 260	BỐC DỞ		TTCO: 15.000 - TTHG: 10.000
3		NAM PHI		KVCP		MV NBA MILLET		79 766	19 599	60 167	BỐC DỞ		TTCO: 19.766 - TTHG: 20.000 - KVĐB: 10.000 -
4		NAM PHI		CLM		MV AOM FEDERICA		40 000	12 480	27 520	BỐC DỞ		TTHG: 10.000 - KVCP: 25.000 - KVĐB: 5.000
	Tàu chưa làm hàng							***135 000***		***135 000***			
1		NAM PHI		CLM		MV NAVIOS VICTORY		20 000		20 000			TTCO: 20.000
2		NAM PHI		CLM		STAR ASPRIRATION		30 000		30 000			TTCO: 15.000 - TTHG: 15.000
3		MOZAMBIQUE		CLM		MV GEORG OLDENDORFF		25 000		25 000			KVCP: 15.000 - KVĐB: 10.000
4		NAM PHI		CLM		MV DREAM TEAM		40 000		40 000			TTCO: 10.000 - TTHG: 10.000 - KVCP: 20.000
5		MOZAMBIQUE		CLM		MV KIRAN EURASIA		20 000		20 000			TTHG: 10.000 - KVCP: 10.000